

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA ĐẢNG TA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

ThS. Phạm Thị Hằng^(*)
ThS. Tạ Văn Lâm^(**)

1 Nhận thức của Đảng về chính sách xã hội

□ Trong 25 năm lãnh đạo đất nước đổi mới vừa qua, Đảng ta đã không ngừng nâng cao nhận thức, tổ chức thực hiện ngày càng có hiệu quả các hệ thống chính sách, trong đó có chính sách xã hội (CSXH). Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

Tại Đại hội VI (năm 1986), trên cơ sở quan điểm lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất trong mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước, Đảng ta khẳng định: “CSXH bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan

hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và CSXH, khắc phục thái độ coi nhẹ CSXH tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH⁽¹⁾. Đây là lần đầu tiên khái niệm CSXH được đề cập trong văn kiện của Đảng với tư cách là một bộ phận quan trọng trong tổ hợp chính sách kinh tế - xã hội của quốc gia.

CSXH không tồn tại độc lập mà luôn gắn liền với chính sách kinh tế. Đảng đã xác định: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện CSXH, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế⁽²⁾”. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, CSXH có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Để thực hiện tốt CSXH, phải tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết

^(*) Báo Dân trí điện tử, Trung ương Hội khuyến học Việt Nam

^(**) Đại học Đại Nam

⁽¹⁾ và ⁽²⁾ ĐCSVN, Văn kiện Đảng toàn tập, t.47, Nxb CTQG, HN. 2006, tr.420 và 421

chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội. Với quan điểm đó, Đại hội VI đã đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ của CSXH: cần có CSXH cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên; có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng; cùng với việc tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội ta.

Tư duy mới của Đảng về CSXH thể hiện thông qua các chủ trương: giải quyết CSXH là nhiệm vụ gắn bó hữu cơ với đổi mới kinh tế; vấn đề lao động, việc làm được giải quyết gắn với phát triển kinh tế nhiều thành phần; nâng cao đời sống của nhân dân gắn với thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Sau 5 năm đổi mới, việc thực hiện CSXH đã đạt được những tiến bộ nhất định; đời sống của một bộ phận nhân dân so với 5 năm trước ổn định hơn và nhiều mặt được cải thiện. Tuy nhiên, CSXH vẫn chưa được quan tâm đúng với tầm quan trọng của nó và còn nhiều thiếu sót nên đời sống của đại bộ phận nhân dân, nhất là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước còn gặp nhiều khó khăn.

Kế thừa và phát triển quan điểm của Đại hội VI, Đại hội Đảng lần thứ VII tiếp tục khẳng định vai trò của CSXH đối với phát triển kinh tế: “Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các CSXH, thực hiện tốt CSXH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”⁽¹⁾. Phát triển kinh tế thực chất là tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Tuy nhiên, “không phải lúc nào tăng trưởng kinh tế cũng đồng hành hay là dẫn đến tiến bộ xã hội. Thậm chí có nơi, có lúc tăng trưởng kinh tế còn có thể đem đến thảm họa cho con người, nếu kết quả của tăng trưởng kinh tế được sử dụng cho những mục đích không tốt đẹp”⁽²⁾.

Phát triển kinh tế không chỉ là sự tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà điều quan trọng là phải nhằm mục đích tạo điều kiện để thực hiện CSXH, bảo đảm cho sự tăng trưởng hướng tới tiến bộ xã hội. Mỗi quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội là mối quan hệ biện chứng: tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện thực hiện CSXH, còn CSXH có vai trò tác động trở lại, tạo ra sự ổn định xã hội, từ đó phát huy vai trò “động lực” đối với phát triển kinh tế. Chính vì thế, “cần huy động mọi khả năng của Nhà nước và của nhân dân, Trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết những vấn đề của CSXH. Xây dựng các quỹ bảo hiểm xã hội của nhân dân trong tất cả các thành phần kinh tế; phát triển các hiệp hội từ thiện nhân đạo để phát huy truyền thống nhân ái tương trợ lẫn nhau của dân tộc ta, đồng thời hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề xã hội”⁽³⁾.

Từ những nhận thức cơ bản đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* (được thông qua tại Đại hội VII) đã nêu rõ những định hướng lớn về CSXH với quan điểm: “CSXH đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Phương hướng lớn

⁽¹⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Nxb CTQG, HN, 2007, tr.100

⁽²⁾ Nguyễn Duy Quý, *Công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 11/2007

⁽³⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb ST, HN, 1991, tr.144

của CSXH là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội⁽¹⁾. CSXH bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất... CSXH cũng nhằm xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ.

Trên cơ sở những nhận thức mới về phát triển xã hội được hình thành từ thực tiễn phát triển đất nước sau 10 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra một hệ thống quan điểm: “Tăng cường kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển... Các vấn đề CSXH đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”⁽²⁾. Các quan điểm cơ bản nêu trên đã định hình tổng thể tư duy lý luận của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới. Nó vừa thích ứng với nhu cầu tạo động lực cho sự phát triển bền vững, vừa hướng tới giá trị công bằng và tiến bộ xã hội.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đại hội VIII, các CSXH đã có sự đổi mới. Chính

sách lao động và việc làm đã gắn kết với quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, phát triển sản xuất. Chính sách xóa đói, giảm nghèo được đặc biệt coi trọng với việc hình thành Chương trình quốc gia theo Quyết định 133 của Thủ tướng Chính phủ (ngày 23/07/1998). Ưu đãi người có công được luật hóa bằng pháp lệnh do Quốc hội ban hành với những chế độ trợ cấp ưu đãi đặc biệt. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đảm bảo bằng việc mở rộng mạng lưới y tế đến cộng đồng dân cư, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước được mở rộng, đảm bảo cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của xã, phường nơi cư trú. Phòng và chống tệ nạn xã hội được đảm bảo bằng luật pháp...

Đại hội Đảng lần thứ IX và các Hội nghị Trung ương khóa IX đã cụ thể hóa và bổ sung các quan điểm về CSXH của Đại hội VIII với những nội dung cơ bản: Giải quyết CSXH phải gắn liền với quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đặc biệt là “phát triển thị trường lao động; người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu lao động với sự tham gia của các thành phần kinh tế”⁽³⁾. Trong việc giải quyết các CSXH, Nhà nước vừa là người điều tiết, vừa là nhà đầu tư. Coi trọng công bằng trong hưởng thụ các dịch vụ xã hội, đặc biệt là công bằng trong thụ hưởng dịch vụ giáo dục và chăm sóc y tế với việc tạo cơ hội cho những đối tượng, những vùng còn khó khăn có cơ hội được chăm sóc tốt hơn. Xã hội hóa việc giải quyết các vấn đề xã hội; động viên toàn xã hội tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Đồng thời, “thực hiện các CSXH hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng

⁽¹⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Nxb CTQG, HN, 2007, tr.139

⁽²⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, HN, 1996, tr.113-114

⁽³⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, HN, 2001, tr.192-193

trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp⁽¹⁾.

Đại hội lần thứ X của Đảng, trong khi khẳng định những thành tựu đạt được là cơ bản, cũng đã chỉ rõ những hạn chế trong việc tổ chức thực hiện một số CSXH như: Kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn; khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra; nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt; tội phạm và tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng... Để khắc phục tình trạng trên, Đại hội X đề ra chủ trương: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các CSXH trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc⁽²⁾”.

Đồng thời, Đại hội XI của Đảng cũng xác định rõ nhiệm vụ: “Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân... Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, mọi người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe... Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi... Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình,... các chính sách ưu đãi xã hội⁽³⁾”. Những vấn đề xã hội đã được Đại

hội Đảng lần thứ X nhận thức và giải quyết toàn diện cả ở góc độ mục tiêu và hệ thống giải pháp trong tổng thể các chính sách phát triển, mà ở đó con người thực sự là trung tâm, là động lực và mục tiêu của phát triển xã hội bền vững.

Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay.

Đặc biệt, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định: việc xây dựng và thực hiện một CSXH đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, Cương lĩnh cũng đưa ra những định hướng lớn trong việc thực hiện CSXH ở nước ta: Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách;... Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với những người và gia đình có công với nước; Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh,

(1) ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, HN. 2001, tr.104

(2) và (3) ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, HN. 2006, tr.101 và 102-104

thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em; Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi; Hạn chế, tiến tới đẩy lùi và giảm tác hại của tệ nạn xã hội; Bảo đảm quy mô hợp lý và chất lượng dân số...

2. Những thành tựu chủ yếu trong việc thực hiện CSXH ở nước ta

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm đổi mới vừa qua không ngừng được nâng cao: thời kỳ 1986-1990, tăng trưởng GDP bình quân đạt 4,5%/năm; 1996-2000: 7%/năm; 2001-2005: 7,5%/năm; năm 2007 đạt 8,48%. Năm 2008, dù phải đối mặt với không ít khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP là 6,23%⁽¹⁾, năm 2010 tăng 6,78%. Kinh tế tăng trưởng và phát triển đã tạo nhiều việc làm mới cho người lao động. Từ năm 2000 đến năm 2005, đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thu hút gần 91% lực lượng lao động xã hội và tạo 90% việc làm mới. Năm 2005, thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 5,3%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80,6%. Giai đoạn 2006-2010, từ nguồn Quỹ Quốc gia về việc làm đã giải quyết việc làm cho 1,45 triệu lao động (đạt 85,3%); xuất hiện nhiều mô hình tạo việc làm có hiệu quả từ nguồn vốn vay như các hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; các vùng nuôi trồng thủy, hải sản; mô hình kinh tế trang trại; lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương⁽²⁾, trình độ của người lao động không ngừng được nâng cao. Đời sống của người dân từng bước được cải thiện; Thu

nhập bình quân đầu người hàng năm tăng: năm 1995 là 289 USD/người/năm, năm 2005 là 639 USD/người/năm, năm 2007 là 835 USD/người/năm, năm 2008 đạt 1.024 USD/người/năm và tính đến cuối năm 2010, đạt khoảng 1.160 USD. Trợ cấp cứu đói giáp hạt và khắc phục thiên tai hơn 41,5 nghìn tấn gạo. Tỷ lệ đói, nghèo của Việt Nam đã liên tục giảm với tốc độ khá nhanh. Tính theo chuẩn nghèo quốc gia thì tỷ lệ số hộ nghèo toàn quốc đã giảm từ 58% (năm 1993) xuống còn 14,8% (năm 2007). Tính theo tiêu chuẩn nghèo quốc tế, Việt Nam đã giảm được 50% số người nghèo - đạt mục tiêu thứ nhất trong các “Mục tiêu Thiên niên kỷ” xóa đói, nghèo đến năm 2015 trước 10 năm do Liên hiệp quốc đề ra. Năm 2008, tỷ lệ hộ nghèo cả nước khoảng 13% (tương đương 2,4 triệu hộ), giảm gần 2% so với năm 2007. Đến cuối năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 11%.

Trong lĩnh vực giáo dục, năm học 2007-2008, cả nước có gần 23 triệu học sinh, sinh viên, tăng 2,86% so với năm học 2000-2001. Mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp trong toàn quốc. Về cơ bản đã xóa được “xã trắng” về giáo dục mầm non; trường tiểu học đã có ở tất cả các xã; trường trung học cơ sở có ở xã hoặc cụm liên xã; trường trung học phổ thông có ở tất cả các huyện. Các cơ sở đào tạo nghề, cao đẳng và đại học được thành lập ở hầu hết các địa bàn dân cư lớn, các vùng, các địa phương, đặc biệt ở vùng chậm phát triển như Tây Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi đã có trường nội trú và bán trú cho con em các dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn 1985-2007, mỗi năm chỉ số HDI của Việt Nam tăng thêm 1,16% (từ 0,561 lên 0,725), tuổi thọ trung bình tăng (xếp thứ 54 thế giới với tuổi thọ trung bình là 74,3) và tỷ lệ biết chữ ở người lớn xếp thứ 69 (chiếm 90,3% người từ 15 tuổi trở lên).

⁽¹⁾ Phạm Ngọc Quang, *Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử, Số 8 (176) năm 2009

⁽²⁾ Nguồn: Báo Hà Nội mới, *Hơn 1,45 triệu lao động có việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm*, ngày 17/02/2011

Để thực hiện mục tiêu của Đảng về chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với cách mạng, chỉ tính trong 10 năm trở lại đây, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã tiếp nhận được sự ủng hộ 5.000 tỷ đồng, xây mới 243.412 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 104.125 căn nhà với tổng số tiền là 2.389 tỷ đồng, giúp đỡ trên 300.000 gia đình chính sách có nhà ở ổn định, tặng 604.000 sổ tiết kiệm tình nghĩa, 15.000 vườn cây tình nghĩa trị giá hàng trăm tỷ đồng. Đời sống của các gia đình có công với cách mạng được ổn định và phát triển. Hiện nay, cả nước đã có 85% gia đình chính sách có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của nhân dân địa phương nơi cư trú⁽¹⁾.

Trong những năm qua, công tác bảo hiểm xã hội (BHXH) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Năm 1996, đối tượng tham gia BHXH là 2,85 triệu người, đến cuối năm 2009, số người tham gia BHXH bắt buộc đạt hơn 9,1 triệu người. Bình quân mỗi năm số tham gia BHXH mới tăng hơn 400 nghìn người, tăng 24,1%/năm. Năm 2009, bảo hiểm thất nghiệp đối với đối tượng đang tham gia BHXH bắt buộc đã được thực thi. Sau một năm thực hiện đã có hơn 5,4 triệu người tham gia, quỹ bảo hiểm thất nghiệp đã thu được 3.020 tỷ đồng. Đây là loại hình bảo hiểm mới trong chính sách BHXH được người sử dụng lao động và người lao động hưởng ứng.

Nếu năm 1999 số người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 13% dân số thì đến tháng 12/2009 có 53,3 triệu người tham

gia, chiếm 62% dân số. Số người tham gia BHYT tăng nhanh đã góp phần củng cố và tạo nguồn tài chính ổn định, vững chắc cho công tác khám, chữa bệnh BHYT và tạo tiền đề để xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình BHYT toàn dân. Từ năm 1995-2009 đã giải quyết kịp thời, đúng chế độ, chính sách cho gần 1,2 triệu người hưởng BHXH thường xuyên, trong đó có gần 850 nghìn người hưởng chế độ hưu trí. Ngoài ra còn giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho 2,9 triệu người; ốm đau cho 21,6 triệu lượt người, thai sản cho 3,5 triệu lượt người và dưỡng sức phục hồi sức khỏe cho 5,7 triệu lượt người... Năm 2009, chi trả chế độ BHXH một lần cho hơn 479.570 người với số tiền là 4.018 tỷ đồng; chi các chế độ ốm đau, thai sản cho 4.263.000 lượt người với số tiền là 3.250 tỷ đồng⁽²⁾.

Tóm lại, trong 25 năm thực hiện mục tiêu phát triển xã hội, với những nỗ lực, cố gắng không ngừng, tư duy lý luận của Đảng về CSXH đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện: Từ chỗ không nhận thức đúng tầm quan trọng của CSXH trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với CSXH; Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển; Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm; Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, đảm bảo quá trình tăng trưởng kinh tế vững chắc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước. □

⁽¹⁾ Dương Minh Đỗ, *Thực hiện tốt hơn nữa chính sách ưu đãi người có công*, Tạp chí Cộng sản điện tử, Số 14 (182) năm 2009

⁽²⁾ Nguồn: Báo Sức khỏe và đời sống, *Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế góp phần bảo đảm an sinh xã hội*, <http://suckhoedoisong.vn>, thứ Tư, 14/04/2010